TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-3-2023
V/v: "Ly hôn giữa chị N và anh P"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Phạm Thúy Nga

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Văn Lịch;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 51/2023/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 02 năm 2023 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2023/QĐXXST - HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1980; địa chỉ: Xóm X, xã Y, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định;

Bị đơn: Anh Nguyễn Vũ P, sinh năm 1977; địa chỉ: Xóm X, xã Y, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

(Chị N, anh P xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 27-10-2022, bản tự khai ngày 24-02-2023 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Vũ P đăng ký kết hôn ngày 04-10-1998 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại xóm X, xã Y. Vợ chồng chung sống không được hòa thuận, hạnh phúc. Nguyên nhân là do mâu thuẫn về kinh tế, anh P đi làm có tiền nhưng không đem về lo cho gia đình vợ con, từ đó vợ chồng thường hay xảy ra tranh cãi, xích mích trong cuộc sống hàng ngày nên tình cảm lạnh nhạt dần. Chị N đã cố gắng chịu đựng chung sống cùng anh P để lo cho các con nhưng đến nay anh P vẫn không thay đổi tính nết, vẫn không có trách nhiệm với gia đình, vợ con. Vợ chồng hiện tại vẫn chưa sống ly thân nhưng chị N xét thấy tình cảm của chị đối

với anh P không còn nên đề nghị Tòa án cho ly hôn để vợ chồng giải phóng cho nhau.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Vũ H, sinh ngày 01-11-1999 và Nguyễn Vũ Bảo Ng, sinh ngày 07-12-2016. Hiện nay cháu H đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết, cháu Ng còn nhỏ nên chị N có nguyện vọng nuôi con, không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 28-02-2023, quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Vũ P có lời khai phù hợp với lời khai của chị N về thời gian vợ chồng kết hôn, chung sống là đúng. Theo anh P, do mâu thuẫn về kinh tế nên vợ chồng sống không hòa hợp, tình cảm lạnh nhạt. Nay chị N đề nghị xin ly hôn, anh P nhận thấy vợ chồng anh cũng chưa thực sự mâu thuẫn căng thẳng nên không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Anh P có lời khai thống nhất với chị N về con chung. Đối với cháu Nguyễn Vũ H hiện đã thành niên anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Cháu Ng còn nhỏ nên chị N đề nghị nhận nuôi dưỡng và không yêu cầu anh P cấp dưỡng thì anh nhất trí.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản: Anh P cũng xác nhận vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N và bị đơn anh Nguyễn Vũ P đều có đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị N, anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Vũ P là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã Y, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 04-10-1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống không hòa thuận, hạnh phúc, hay xảy ra tranh cãi, bất đồng về kinh tế. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh P thì thấy: Mặc dù anh P không nhất trí ly hôn nhưng không có biện pháp gì thiết thực để vợ chồng hàn gắn. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh P hai bên đều thừa nhận là xuất phát từ nguyên nhân mâu thuẫn về kinh tế. Anh P đi làm có tiền nhưng không mang về lo cho vợ con, từ đó vợ chồng thường hay xảy ra tranh cãi, tuy vợ chồng chưa sống ly thân nhưng tình cảm đã lạnh nhạt, cuộc sống chung không hòa hợp, hạnh phúc. Chị N đã chịu đựng chung sống với anh P để lo cho các con nhưng anh P vẫn không thay đổi tính nết, không có trách nhiệm với gia đình. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa

chị N và anh P là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị N đối với anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Vũ H, sinh ngày 01-11-1999 và Nguyễn Vũ Bảo Ng, sinh ngày 07-12-2016. Hiện nay cháu H đã trưởng thành nên chị N, anh P không yêu cầu giải quyết. Cháu Ng còn nhỏ nên chị N, anh P thống nhất ý kiến để chị N trực tiếp nuôi dưỡng, anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N. Xét điều kiện hoàn cảnh hiện nay và nguyện vọng của hai bên thì thấy: Cháu Ng hiện đang chung sống cùng cả hai vợ chồng, chị N nhận nuôi con và anh P nhất trí, không có tranh chấp. Chị N xác nhận hiện chị làm công nhân của công ty giầy da V tại xã Y, lương khoảng hơn 6.000.000đ/tháng nên chị có đủ điều kiện nuôi con. Do đó, cần chấp nhận đề nghị xin được nuôi con chung của chị N, giao cháu Nguyễn Vũ Bảo Ng cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng và không buộc anh P cấp dưỡng nuôi con cho chị N (do chị N không yêu cầu) là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản và công nợ: Chị N và anh P xác nhận vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị N phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị N và anh Nguyễn Vũ P.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Vũ Bảo Ng, sinh ngày 07-12-2016 cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi thành niên. Anh Nguyễn Vũ P không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị N. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Chị Nguyễn Thị N phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006561 ngày 24-02-2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt bản án hợp lệ.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Lịch **Đỗ Việt Hùng**

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Hải Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thúy Nga